

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày: 13-08-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyển.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Bà Lê Thị Phương Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Trọng H**, sinh năm 1990 tại Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn G, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1966; Con bà: Trịnh Thị M, sinh năm 1971; Có vợ: Lê Thị D, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Chưa có con; Tiền án: Ngày 30/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 03 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2018; Tiền sự: Không (Theo danh chỉ bản số 134 lập ngày 24/03/2019 tại Công an huyện P và lý lịch bị can phản ánh); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/03/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số X – Công an thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Người bị hại: Chị Đinh Thị Mai P, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Kiều Minh L, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/3/2019, Trần Trọng H điều khiển xe mô tô BKS 29Y9-287.26 đến đoạn đường tỉnh lộ 428 thuộc địa phận thôn Q, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội thì H thấy chị Đinh Thị Mai P đang điều khiển xe mô tô BKS 29Y7-437.01 đi phía trước cùng chiều. Quan sát thấy túi quần sau của chị P có chiếc điện thoại thò ra một phần, H nảy sinh ý định cướp giật để lấy tiền tiêu sài. H điều khiển xe áp sát xe của chị P và giật chiếc điện thoại rồi tăng ga chạy thoát.

Sau khi nhận được tin báo, Công an huyện P đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, ra soát, xác minh chị Kiều Minh L là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô BKS 29Y9-287.26, qua đó xác định H là người cướp giật tài sản của chị P và bắt giữ H trong trường hợp khẩn cấp.

Tại cơ quan điều tra, H khai nhận như nội dung nêu trên. Sau khi cướp giật được chiếc điện thoại H mang về nhà nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an huyện P bắt giữ cùng tang vật chiếc điện thoại Oppo 3s trong có chứa 01 sim điện thoại cùng 01 xe mô tô BKS 29Y7-287.26.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 27/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện P kết luận: 01 điện thoại di động Oppo 3s trong có chứa 01 sim có giá trị 2.625.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 28/3/2019, Cơ quan điều tra – Công an huyện P đã trả lại chiếc điện thoại Oppo 3s trong có chứa 01 sim cho chị P, chị P đã nhận và không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Chiếc xe mô tô BKS 29Y7-287.26, chủ sở hữu là chị Kiều Minh L, chị L không biết việc H sử dụng chiếc xe trên để cướp giật tài sản. Ngày 28/3/2019, Cơ quan điều tra – Công an huyện P đã trả lại chị L chiếc xe mô tô trên.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 16/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Trần Trọng H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm d và i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Căn cứ các điểm d và i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm

2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Trần Trọng H từ 5 đến 6 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2019. Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xét. Về vật chứng: người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại nên không xét; Về án phí: bị cáo vi phạm trách nhiệm hình sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng bị cáo Trần Trọng H thành khẩn nhận tội, hứa sẽ sửa chữa, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại chị Đinh Thị Mai P có quan điểm đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Oppo 3s trong có chứa 01 sim, không đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Kiều Minh L có quan điểm đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 29Y7-287.26, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/3/2019, khi đang đi xe mô tô trên đường tỉnh lộ 428 thuộc địa phận thôn Q, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội, Trần Trọng H phát hiện thấy chị Đinh Thị Mai P điều khiển xe mô tô phía trước cùng chiều có chiếc điện thoại thò ra ở túi quần sau, H điều khiển xe áp sát xe chị P và dùng tay phải giật chiếc điện thoại rồi tăng ga bỏ chạy. Chiếc điện thoại Oppo 3s bên trong có 01 sim điện thoại của chị Đinh Thị Mai P có trị giá là 2.625.000 đồng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, hành vi của Trần Trọng H đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo điều khiển xe mô tô để thực hiện hành vi thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, năm 2016 bị cáo đã bị TAND thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 03 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại

khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo ra xét xử về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, mặc dù đã có tiền án về tội cướp giật tài sản chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không chịu lao động làm ăn lương thiện mà lại tiếp tục dùng thủ đoạn nguy hiểm cố tình chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn khiến quần chúng nhân dân bất bình. Để kịp thời đấu tranh phòng chống tội phạm, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để bị cáo thấm thía với tội lỗi của mình mà trở về con đường lương thiện, đồng thời cũng là để làm gương cho những kẻ khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, khi lượng hình, có thể giảm nhẹ một phần hình phạt chứng tỏ sự nhân đạo của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng theo nguyên tắc xử lý của pháp luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại người bị hại chị Đinh Thị Mai P chiếc điện thoại Oppo 3s trong có chứa 01 sim nên không xét. Cơ quan điều tra đã trả lại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Kiều Minh L chiếc xe mô tô BKS 29Y7-287.26 nên không xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trọng H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d và điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Phạt: Bị cáo **Trần Trọng H 05 (Năm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam 25/03/2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Trọng H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp Hà Nội;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trí Tuyền